UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM CHỈ HUY ĐIỀU HÀNH PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 TỈNH ĐỒNG NAI

Số: 8890 /BC-TTCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 23 tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO NGÀY
Công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
Đến 22h00 ngày 22/10/2021

I. Tình hình dịch bệnh (Từ ngày 27/4/2021 đến nay)

TT	Địa phương	Số ca mắc mới trong ngày								Số F1	Số F2	Lũy kế
		Tổng cộng	Sàng lọc tại cơ sở y tế	Số ca trong khu CLTT	Số ca trong khu phong tỏa	Sàng lọc cộng đồng						
						Tổng	Trong đó					
							Cộng đồng	Khu nhà trọ	Doanh nghiệp			
1	Biên Hòa	232	7	194	31	0	0	0	0	75	3	**26.359**
2	Nhơn Trạch	218	8	210	0	0	0	0	0	61	0	**15.067**
3	Vĩnh Cửu	59	0	50	9	0	0	0	0	43	45	**10.352**
4	Trảng Bom	58	2	56	0	0	0	0	0	6	12	**5.491**
5	Long Thành	19	2	17	0	0	0	0	0	0	0	**1.241**
6	Thống Nhất	5	3	0	2	0	0	0	0	20	15	**637**
7	Long Khánh	0	0	0	0	0	0	0	0	4	2	**394**
8	Xuân Lộc	1	0	1	0	0	0	0	0	5	10	**345**
9	Định Quán	2	0	1	1	0	0	0	0	0	0	**334**
10	Cẩm Mỹ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	**307**
11	Tân Phú	9	1	1	7	0	0	0	0	0	0	**206**
12	Ngoại tỉnh	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-	**373**
Tổng số		**603**	**23**	**530**	**50**	**0**	**0**	**0**	**0**	**214**	**87**	**61.106**

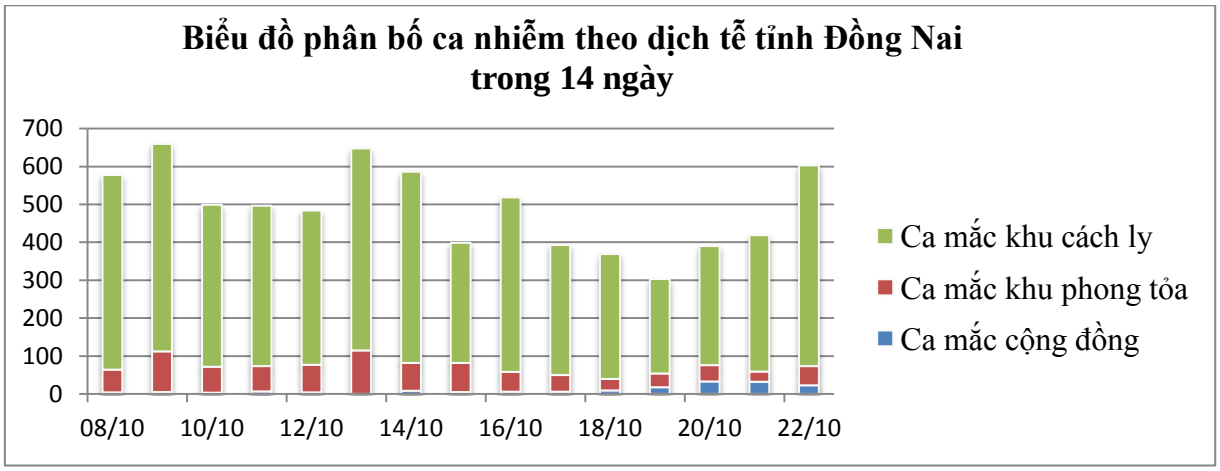

- F0 cộng đồng: trong ngày phát sinh 23 ca (giảm 30,3% so với hôm qua), Lũy kế trong 07 ngày là 127 ca (tăng 273,5% so với 7 ngày trước đó). cụ thể như sau:

- Biên Hòa: ghi nhận 07 ca rải rác tại: Hố Nai (01), Long Bình (01), Tam Hiệp (01), Tân Tiến (01), Trảng Dài (03). Tong đó 01 ca làm việc tại BigC Tân Hiệp, 01 ca bán hàng tại chợ ngã 4 Phú Thọ, 01 ca là tài xế xe tải giao hàng nhiều nơi, 04 ca hạn chế di chuyển gần nhà.

- Nhơn Trạch: ghi nhận 08 ca ngụ tại Hiệp Phước (06), Long Thọ (01), Phú Đông (01). Đang điều tra dịch tễ.

- Long Thành: ghi nhận 02 ca ngụ tại An Phước (01), Long An (01). Đang điều tra dịch tễ.

- Trảng Bom: ghi nhận 02 ca ngụ tại ấp 2 xã An Viễn. 02 ca bệnh sinh năm 2009 và 2014 cùng gia đình về từ Bình Dương ngày 17/10 những không khai báo ở Trạm Y tế. Ngày 20/10 gia đình có người biểu hiện sốt, mệt mỏi nên gọi điện báo TYT xã An Viễn. Tiến hành lấy mẫu test nhanh cho 28 người tiếp xúc gần trong gia đình đã ghi nhận 15 trường hợp dương tính.

- **Thống Nhất:** ghi nhận 03 ca ngụ tại Gia Kiệm (01), Gia Tân 3 (01), Quang Trung (01). Liên quan đến ổ dịch công ty TNHH Pou Sung (KCN Bàu Xéo, Trảng Bom)

- **Tân Phú:** ghi nhận 01 ca ngụ tại ấp Phương Lâm, xã Phú Lâm. Là trường hợp F2 tiếp xúc ca bệnh tại ổ dịch chợ Phương Lâm.

Các trường hợp đã được phong tỏa, truy vết, xử lý ổ dịch theo quy định.

Nhận xét: Số ca nhiễm tại cộng đồng giảm 30,3% so với ngày hôm qua, phần lớn là các ca bệnh ghi nhận tại TT Hiệp Phước – Nhơn Trạch và rải rác 05 xã/phường thuộc Biên Hòa. Đặc biệt ghi nhận ổ dịch tại ấp 2 xã An Viễn – Trảng Bom đã ghi nhận 15 trường hợp dương tính trong 1 gia đình.

II. Công tác y tế

1. Cách ly, theo dõi sức khỏe:

	Trong ngày	Đang theo dõi	Kết thúc	Lũy kế
Cách ly tập trung	156	6.188	30.614	36.802
Cách ly tại nhà	418	19.910	59.215	79.125
Theo dõi sức khỏe	157	11.011	22.433	33.444

Trong đó :

- **F1 :** Đang theo dõi: 5.316; Lũy kế: 24.542
- **F2:** Đang theo dõi: 5.743; Lũy kế: 33.363
- **Khác (**người về từ vùng dịch, nhập cảnh): Đang theo dõi: 93; Lũy kế: 11.755

2. Điều trị

1.1. Tình hình điều trị

	Đang điều trị		Khỏi bệnh		Tử vong		Nguy kịch/Đang điều trị
	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	
Số lượng	603	9.506	729	51.102	0	530	35
Tỉ lệ		**15,55%**		**83,58%**		**0,87%**	**0,37%**

- Các ca đang điều trị: ECMO 02 ca (0,02%), thở máy xâm lấn 32 ca (0,32%), CPAP 06 ca (0,06%), HFNC 25 ca (0,26%), thở oxy 171 ca (1,78%), có triệu chứng 1.464 ca (15,20%), không triệu chứng 7.933 ca (82,36%).

2.1. Mô hình điều trị tháp 3 tầng

	Công suất	Đang theo dõi	Số giường còn lại
Tầng 3	402	133	269
Tầng 2	9.461	4.028	5.433
Tầng 1	9.019	4.141	4.878

3. Tiêm vắc xin phòng COVID-19

STT	Địa phương	Số lượng tiêm trong ngày	Đã tiêm (Dữ liệu cập nhật trên hệ thống tiêm chủng MCC)			Tỉ lệ bao phủ (%)		Số vắc xin còn lại
			Mũi 1	Mũi 2	Tổng	Mũi 1	Mũi 2	
A	**Tỉnh Đồng Nai**	**99.973**	**2.596.792**	**1.213.145**	**3.809.937**	**103,54%**	**48,37%**	**523.491**
1	Biên Hòa	66.916	911.221	483.941	1.395.162	104,90%	55,71%	
2	Long Khánh	1.478	130.361	58.411	188.772	107,01%	47,95%	
3	Xuân Lộc	6.371	188.765	47.868	236.633	113,68%	28,83%	
4	Tân Phú	450	110.698	20.337	131.035	82,41%	15,14%	
5	Cẩm Mỹ	990	96.940	32.527	129.467	94,78%	31,80%	
6	Trảng Bom	-	272.873	131.116	403.989	96,35%	46,30%	
7	Định Quán	5.218	141.406	37.217	178.623	93,78%	24,68%	
8	Vĩnh Cửu	4.365	140.040	91.427	231.467	115,59%	75,47%	
9	Long Thành	7.565	231.799	99.901	331.700	121,32%	52,29%	
10	Thống Nhất	3.535	113.164	56.392	169.556	86,85%	43,28%	
11	Nhơn Trạch	3.085	259.525	154.008	413.533	108,83%	64,58%	

***Ghi chú:** Tỉ lệ độ bao phủ được tính đựa trên số liệu dân cư do các huyện/thành phố thống kê thực tế. Hiện tính trên tổng số đối tượng từ 18 tuổi trở lên là 2.508.100 người.

- Số lượng tiêm và tỉ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng từ 12 đến 17 tuổi : chưa triển khai
- Số lượng tiêm và tỉ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng từ 18 tuổi trở lên:
  + Mũi 1: 2.596.792 liều, 104,90%.
  + Mũi 2: 1.213.145 liều, 55,71%.
- Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 65 tuổi trở lên: 49,36%.
- Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 50 tuổi trở lên: 43,53%.

5. Công tác xét nghiệm:

	Trong ngày		**Lũy kế**	
	Thực hiện	Dương tính	Thực hiện	Dương tính
Test nhanh	467	16	1.430.071	5.700
RT-PCR mẫu đơn	4.819	1.295	1.774.731	147.906
RT-PCR mẫu gộp	916	31	324.098	21.762
Lượt người thực hiện PCR	9.287	1.295	3.393.264	147.906

- Số mẫu test nhanh dương tính chờ kết quả RT-PCR: 03 mẫu
- Số mẫu nghi ngờ, gộp dương: 31 mẫu

6. Hoạt động Trạm Y tế lưu động, Tổ COVID cộng đồng:

- Số Trạm Y tế lưu động đã triển khai: 87 TYT lưu động. Trong đó: Biên Hòa (30), Trảng Bom (17), Nhơn Trạch (12), Long Thành (13), Cẩm Mỹ (13), Thống Nhất (02).

Trong đó các địa phương có mức độ nguy cơ từ cấp 2 trở lên chưa triển khai Trạm Y tế lưu động: Tân Bình, Thạnh Phú, Thiện Tân – Vĩnh Cửu; Phú Lâm – Tân Phú.

- Số Tổ COVID cộng đồng đã triển khai: 10.534 tổ

7. Nhận định tình hình dịch bệnh và Kiến nghị

a) Nhận định tình hình dịch bệnh

- Trong ngày ghi nhận 23 ca mắc trong cộng đồng (giảm 30,3% so với hôm qua), Lũy kế trong 07 ngày là 127 ca (tăng 273,5% so với 7 ngày trước đó), phần lớn là các ca bệnh ghi nhận tại TT Hiệp Phước – Nhơn Trạch và rải rác 05 xã/phường thuộc Biên Hòa. Đặc biệt ghi nhận ổ dịch tại ấp 2 xã An Viễn – Trảng Bom đã ghi nhận 15 trường hợp dương tính trong 1 gia đình. Các ổ dịch đã được xử lý, truy vết, cách ly theo quy định.

- Do việc triển khai các hoạt động phục hồi sản xuất, kinh tế trong trạng thái bình thường mới trên địa bàn tỉnh, dự kiến sẽ tiếp tục ghi nhận ca nhiễm trong cộng đồng, tuy nhiên các ổ dịch vẫn được kiểm soát tốt hạn chế lây lan rộng. Bên cạnh đó vẫn cần lưu ý các địa điểm có nguy cơ lây lan cao như chợ dân sinh, siêu thị, cơ sở sản xuất, khu nhà trọ,…

- Số ca mắc trong khu phong tỏa giảm sâu chỉ còn 50 ca ải rác các huyện/thành phố.

- Số lượng tiêm và tỉ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng từ 18 tuổi trở lên:

+ Mũi 1: 2.549.407 liều, 104,90%.

+ Mũi 2: 982.387 liều, 55,71%.

b) Kiến nghị

- Các địa phương định kì đánh giá cấp độ dịch hàng tuần theo hướng dẫn tại Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ Y tế.

- Thực hiện Chỉ thị số 19/CT-UBND ngày 08/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 và từng bước phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Các sở, ngành, địa phương tăng cường triển khai thực hiện Kế hoạch số 11805/KH-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2021 về việc Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19 tên địa bàn tỉnh.

- Đẩy nhanh tiến độ tiêm chủng nhằm sớm nhất đạt mục tiêu 100% người dân toàn tỉnh được tiêm đủ liều vắc xin phòng COVID-19.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc lây nhiễm chéo tại các khu cách ly tập trung, bệnh viện.

- Tăng cường kiểm soát nguồn lây nhiễm tại các điểm nguy cơ cao như: chợ dân sinh, siêu thị, cơ sở sản xuất, khu công nghiệp, khu nhà trọ.

III. Công tác an sinh xã hội

Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg trong ngày:

	Trong ngày	**Lũy kế**
Đã phê duyệt		
1. Đơn vị sử dụng lao động	0 đơn vị	8.964 đơn vị
2. Người lao động	41.497 người	862.797 người
3. Hộ kinh doanh	506 hộ	10.110 hộ
Đã chi trả		
1. Đơn vị sử dụng lao động	0 đơn vị	8.964 đơn vị
2. Người lao động	19.684 người	779.958 người
3. Hộ kinh doanh	892 hộ	9.530 hộ

TT	Địa phương	Lũy kế số người đã chi/số phê duyệt (người)	Lũy kế số tiền đã chi/số phê duyệt (tỷ đồng)	Tỷ lệ
1	TP. Biên Hòa	295.759/344.475	483,14/569,38	85,86
2	Cẩm Mỹ	13.552/15.330	20,44/23,16	88,40
3	Định Quán	23.759/23.978	36,87/37,20	99,09
4	TP. Long Khánh	36.312/42.852	55,61/62,84	84,74
5	Long Thành	38.775/47.118	61,01/73,49	82,29
6	Nhơn Trạch	93.749/104.041	139,18/162,63	90,11
7	Tân Phú	22.755/26.528	34.38/40,04	85,78
8	Trảng Bom	109.073/110.901	185,54/188,33	98,35
9	Thống Nhất	23.222/23.222	34,88/34,88	100
10	Xuân Lộc	38.371/38.800	59,03/59,67	98,89
11	Vĩnh Cửu	67.711/67.715	198,57/198,57	99,99
	Tổng cộng	**763.038/844.960**	**1.308,67/1.450,21**	**90,30**

Lưu ý: *bao gồm người lao động tự do, lao động tạm hoãn HĐLĐ, ngừng việc trong doanh nghiệp và Hộ kinh doanh.*

Trên đây là báo cáo ngày công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:
- Bộ Y tế;
- TU, UBND Tỉnh;
- BCĐ tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Website SYT;
- Lưu VT, NV.

KT. CHỈ HUY TRƯỞNG
PHÓ CHỈ HUY TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Phan Huy Anh Vũ

Phụ lục 1 : Đánh giá mức độ nguy cơ theo Quyết định số 4800/QĐ-BYT

(Cập nhật đến ngày 21/10/2021 tại Báo cáo số 689/BC-KSBT của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai)

	Huyện, thành phố	Xã, phường	Khu, ấp
Cấp 1 (Bình thường mới)	09	125	-
Cấp 2 (Nguy cơ trung bình)	02	42	-
Cấp 3 (Nguy cơ cao)	00	03	-
Cấp 4 (Nguy cơ rất cao)	00	00	-
Tỉnh Đồng Nai : Cấp 2			

Phụ lục 2: Tình hình điều trị COVID-19

TT	Cơ sở	Giường kế hoạch COVID	Giường thực kê COVID (con số chính xác)	Số CA + mới trong ngày (24h)	Xuất viện trong ngày (24h)	Chuyển viện trong ngày	Tử vong trong ngày (24h)	Số ca đang điều trị	Cộng dồn			Số ca đang điều trị, trong đó						Phụ nữ có thai	BN < 16 tuổi	> = 65 tuổi	Người có bệnh lý nền và nguy cơ khác	Khả năng còn tiếp nhận
									Chuyển viện	Tử vong	Xuất viện	HFNC	Thở máy		Thở oxy	Biểu hiện lâm sàng trung bình	Nhẹ và Không triệu chứng					
													Không xâm lấn (CPAP)	Xâm lấn								
TẦNG 3																						
1	BVĐN/ HSTC	40	40	0	0	0	1	23		165		3		16	4	0	0	0	0			17
2	BVTN/TTHSTC	400	200	4	2	4	0	72	221	237	77	12	7	19	16			2	3	26	46	128
3	BVĐKKVLK/HSTC	100	40	0	2	0	0	20	58	38	41	3	0	0	17	0	0	0	0	6	15	20
4	BVĐKKVLT	100	100	0	0	0	0	16	78	35	10	0	0	0	16	0	0	0	0	6	10	84
5	BV Nhi ĐN	20	10	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	BV Định Quán	60	11	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	11
7	BV Đồng Nai 2	10	2	0	0	0	0	2	147	0	393	1	0	0	1	2	0	1	0	0	0	8
Tổng cộng (tầng 3)		**730**	**403**	**4**	**4**	**4**	**1**	**133**	**505**	**476**	**521**	**19**	**7**	**35**	**54**	**2**	**0**	**3**	**3**	**38**	**71**	**268**
TẦNG 2																						

1	Bệnh viện dã chiến số 1	350	285	11	5	0	0	134	25	2	1518	0	0	0	1	12	111	2	21	2	9	151
2	Bệnh viện dã chiến số 2	350	270	12	0	0	0	305	98	0	1595	0	0	0	1	85	170	9	75	156	8	50
3	Bệnh viện dã chiến số 3	550	500	35	40	0	0	372	80	0	2646	0	0	0	11	12	366	14	106	266	72	128
4	Bệnh viện dã chiến số 4	360	345	40	0	0	0	284	68	0	1997	0	0	0	1	12	272	2	77	5	5	61
5	Bệnh viện dã chiến số 5	300	316	6	38	0	0	99	45	0	1392	0	0	0	4	2	97	0	21	9	15	111
6	Bệnh viện dã chiến số 6	1200	1090	100	14	0	0	501	113	0	5366	0	0	0	8	40	453	6	112	8	34	509
7	Bệnh viện dã chiến số 7	730	700	3	68	0	0	366	149	1	4279	0	0	0	8	32	328	8	94	8	28	
8	Bệnh viện dã chiến số 8	650	635	55		0	0	318	45	0	2340	0	0	0	18	169	131	4	143	163	12	317
9	Bệnh viện dã chiến số 9	1000	662	45	0	0	0	457	26	0	2326	0	0	0	4	4	453	4	91	1	28	205
10	Bệnh viện dã chiến số 10	850	807	47	84	1	0	616	88	0	3267	0	0	0	17	37	562	4	180	20	20	
11	Bệnh viện dã chiến số 11	3000	2950	0	0	0	0	201	0	0	0	0	0	0	0	102	99	3	54	2	5	100
12	Bệnh viện Da liễu	150	150	0	3	0	0	36	0	0	673	0	0	0	0	22	14	0	2	29	0	0
13	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	150	74	2	1	0	0	44	125	14	341	1	0	0	23	38	6	0	0	10	30	30
14	Bệnh viện Nhi đồng	110	60	20	8	2	0	80	78	0	518	0	0	0	0	33	37	0	40	0	0	0
15	Bệnh viện ĐKKV Long Thành	150	150	4	1	0	0	28	0	0	196	0	0	0	1	15	12	0	1	1	26	122
16	Bệnh viện ĐKKV Định Quán	60	30	0	1	0	0	11	14	0	23	1	0	0	2	5	5	0	0	3	8	19
17	Bệnh viện Phổi	60	11	0	0	0	0	0	0	5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
18	Bệnh viện Đồng Nai 2	40	73	5	14	4	0	73	151	0	393	1	0	0	1	18	57	1	4	2	30	0
19	Bệnh viện ĐH Y Dược Shing Mark	35	35	11	23	4	0	29	159	0	251	0	0	0	2	10	17	0	0	27	2	6
20	Trung tâm Y tế Vĩnh Cửu	20	65	7	3	0	0	59	27	1	203	0	0	0	0	33	26	1	4	0	1	6
21	Khoa Nhiệt đới BVTN	12	17	1	6	0	0	13	19	0	61	0	0	0	5	7	5	0	0	5	4	4
22	Bệnh viện Tâm thần TW 2	400	200		1			2			315					1	1					
23	Bệnh viện dã chiến CA tỉnh																					
Tổng cộng (tầng 2)		**10527**	**9425**	**404**	**310**	**11**	**0**	**4028**	**1310**	**23**	**29700**	**3**	**0**	**0**	**107**	**689**	**3222**	**58**	**1025**	**717**	**337**	**1819**
TẦNG 1																						
1	Biên Hòa	4179	3026	89	104	5	0	1601	1192	13	8696	0	0	0	7	184	1111	8	386	1551	37	1191
2	Long Khánh	400	310	0	2	2	0	35	54	0	95	0	0	0	0	8	27	0	4	0	0	
3	Vĩnh Cửu	927	897	12	18	0	0	268	1445	3	6737	0	0	0	0	35	233	2	49	50	26	549

4	Định Quán	100	89	7	0	0	0	60	66	0	86	0	0	0	0	0	58	1	6	4	6	29
5	Tân Phú	60	60	8	0	0	0	33	85	0	28	0	0	0	0	0	33	0	8	25	0	27
6	Trảng Bom	1328	961	142	40	10	0	643	1682	2	3812	0	0	0	0	21	622	4	138	497	4	594
7	Thống Nhất																					
8	Xuân Lộc																					
9	Cẩm Mỹ	500	200	0	0	1	0	71	12	0	61	0	0	0	1	0	70	2	18	0	3	121
10	Long Thành	250	250	21	13	0	0	161	41	0	947	0	0	0	0	0	161	3	40	5	30	89
11	Nhơn Trạch	4230	4010	144	2	50	0	1269	0	15	4662	0	0	0	20	300	949	11	277	25	967	2741
TỔNG CỘNG (Tầng 1)		**11974**	**9803**	**423**	**179**	**68**	**0**	**4141**	**4577**	**33**	**25124**	**0**	**0**	**0**	**28**	**548**	**3264**	**31**	**926**	**2157**	**1073**	**5662**
TỔNG TẦNG (3+2+1)		**23231**	**19631**	**831**	**493**	**83**	**1**	**8302**	**6392**	**532**	**55345**	**22**	**7**	**35**	**189**	**1239**	**6486**	**92**	**1954**	**2912**	**1481**	**7749**

Phụ lục 3: Khu cách ly tập trung

TT	Địa phương	Các điểm cách ly tập trung đang hoạt động	Năng lực theo Quyết định *(giường)*	Năng lực thực tế *(giường)*	Trong ngày		Hiện có *(người)*	Tổng số hoàn thành cách ly	Còn trống *(giường)*	Trường hợp cách ly được 12 ngày	Trường hợp cách ly được 13 ngày	Trường hợp cách ly được 14 ngày
					Số mới vào cách ly	Số hoàn thành cách ly						
1	Biên Hòa	98	12,722	12,271	199	353	2,627	22,606	9,644	125	112	213
2	Long Khánh	1	150	150	9	12	17	282	133	0	0	3
3	Vĩnh Cửu	9	1,421	1,421	68	7	475	13,781	946	32	28	18
4	Định Quán	2	200	200	4	17	97	1,132	103	8	2	17
5	Tân Phú	2	200	200	22	0	89	307	111	0	0	0
6	Trảng Bom	3	430	439	0	3	53	1,120	386	4	3	2
7	Thống Nhất	6	386	386	40	5	122	758	264	5	0	0
8	Xuân Lộc	1	300	300	5	9	81	1,324	419	0	1	12
9	Cẩm Mỹ	6	1030	660	8	12	129	1,413	355	5	1	0
10	Long Thành	2	600	600	0	12	139	555	461	5	2	12
11	Nhơn Trạch	27	3,495	3,423	1	5	818	8,114	2,803	0	0	5
Tổng		**157**	**20,934**	**20,050**	**356**	**435**	**4,647**	**51,392**	**15,625**	**184**	**149**	**282**